

Số: 06 /2022/NQ-HĐND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 15 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung chi và mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 99/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung chi và mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Báo cáo thẩm tra số 81/BC-VHXXH ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, bao gồm các kỳ thi, cuộc thi, hội thi sau:

a) Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

- b) Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia lớp 12 trung học phổ thông.
- c) Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh dành cho học sinh khối lớp 9,12; Thi Olympic 27 tháng 4 dành cho học sinh khối lớp 6,7,8,10,11.
- d) Kỳ thi chọn học sinh vào đội tuyển cấp tỉnh để tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia lớp 12 trung học phổ thông.
- đ) Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 vào trường chuyên và thi tuyển sinh lớp 10 vào các trường trung học phổ thông công lập.
- e) Kỳ thi thử kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông.
- g) Kỳ thi nghề phổ thông.
- h) Hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi.
- i) Cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật.
- k) Cuộc thi, hội thi mang tính chất phong trào: thi giáo viên làm tổng phụ trách Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh giỏi; thi bé khỏe, bé tài năng; thi thư viện giỏi; thi làm đồ dùng dạy học; cuộc thi thiết kế bài giảng điện tử; thi chuyên đề xây dựng trường Mầm non lấy trẻ làm trung tâm.
- l) Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc do Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện cho phép thực hiện.
- m) Các kỳ khảo sát chất lượng, đánh giá học sinh trong phạm vi chuyên môn, nghiệp vụ để đánh giá chất lượng giáo dục.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Nội dung chi và mức chi

1. Nội dung chi và mức chi tổ chức các kỳ thi theo Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.
2. Nội dung chi và mức chi tổ chức các cuộc thi, hội thi theo Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.
3. Mức chi tổ chức kỳ thi cấp huyện bằng 80% mức chi kỳ thi cấp tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng và nguồn kinh phí

1. Nguyên tắc áp dụng

Mức chi quy định tại Nghị quyết này được tính theo ngày làm việc thực tế trong thời gian tổ chức kỳ thi, cuộc thi, hội thi. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì được hưởng một mức cao nhất.

2. Nguồn kinh phí

Nguồn ngân sách bố trí hàng năm cho các cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Khóa VII, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2022.

2. Nghị quyết số 122/2019/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định mức chi cho thực hiện công tác xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi cấp địa phương và cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TTr. Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Website HĐND tỉnh;
- Báo Bà Rịa - Vũng Tàu; Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, SGDDT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH

Phạm Viết Thanh

Phụ lục I
NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI TỔ CHỨC CÁC KỲ THI
(Kèm theo Nghị quyết số 06 /2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

Đơn vị: ngàn đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
I	Chi tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận		
1	Thi tuyển sinh lớp 10 vào trường chuyên và thi tuyển sinh lớp 10 vào các trường trung học phổ thông công lập	Đề	600
2	Thi chọn học sinh giỏi, thi Olympic 27 tháng 4	Đề theo phân môn	1.000
II	Chi tiền công ra đề chính thức và dự bị (soạn thảo, thẩm định, phản biện) có kèm theo đáp án, biểu điểm		
1	Thi trắc nghiệm	Người/ngày	1.200
2	Thi tự luận	Người/ngày	1.200
3	Thi thực hành	Người/ngày	1.200
III	Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Hội đồng/Ban ra đề thi		
1	Chủ tịch	Người/ngày	1.200
2	Phó chủ tịch	Người/ngày	1.000
3	Ủy viên, Thư ký vòng trong 24/24h	Người/ngày	800
4	Ủy viên, Thư ký vòng ngoài	Người/ngày	640
5	Bảo vệ vòng trong và bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	400
IV	Hội đồng/Ban in sao đề thi và thành viên bộ phận vận chuyển đề thi		

1	Trưởng ban	Người/ngày	1.200
2	Phó trưởng ban	Người/ngày	1.000
3	Ủy viên, thư ký làm việc cách ly	Người/ngày	800
4	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	800
5	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	400
6	Thành viên bộ phận chuyển đề thi	Người/ngày	800
V	Ban Chỉ đạo thi		
1	Trưởng ban	Người/ngày	1.200
2	Phó trưởng ban	Người/ngày	1.000
3	Ủy viên	Người/ngày	800
4	Thư ký	Người/ngày	800
5	Nhân viên phục vụ	Người/ngày	400
VI	Hội đồng thi		
1	Chủ tịch	Người/ngày	1.200
2	Phó Chủ tịch	Người/ngày	1.000
3	Ủy viên	Người/ngày	800
VII	Ban thư ký Hội đồng thi		
1	Trưởng ban	Người/ngày	1.200
2	Phó trưởng ban	Người/ngày	1.000
3	Ủy viên	Người/ngày	800
VIII	Hội đồng/Ban Coi thi		
1	Trưởng ban	Người/ngày	1.200
2	Phó trưởng ban	Người/ngày	1.000
3	Ủy viên, thư ký, giám thị	Người/ngày	800

4	Công an, bảo vệ	Người/ngày	400
IX	Ban/Tổ làm phách		
1	Trưởng ban	Người/ngày	1.200
2	Phó trưởng ban	Người/ngày	1.000
3	Ủy viên, thư ký làm việc cách ly	Người/ngày	800
4	Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/ngày	400
X	Hội đồng/Ban chấm thi tự luận; Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận, Hội đồng/Ban chấm thẩm định bài thi		
1	Tiền công		
a)	Trưởng ban	Người/ngày	1.200
b)	Phó trưởng ban	Người/ngày	1.000
c)	Ủy viên, thư ký, Kỹ thuật viên	Người/ngày	800
d)	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	Người/ngày	400
2	Chấm thi		
a)	Chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học đối với thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Người/ngày	1.200
b)	Chấm thi tự luận các kỳ thi tuyển sinh đầu cấp	Người/ngày	1.200
c)	Chấm thi chọn học sinh giỏi, bài thi môn chuyên trong tuyển sinh vào trường Chuyên	Người/ngày	1.200
d)	Chấm bài thi trắc nghiệm	Người/ngày	1.200
đ)	Phụ trách trách nhiệm cho tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi	Người/đợt	300
XI	Chi công tác xây dựng ngân hàng câu hỏi thi		
1	Chi tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho người tham gia soạn thảo, biên tập hoàn thiện câu trắc nghiệm	Theo quy định hiện hành về chế độ chi đào tạo và bồi dưỡng	

		cán bộ, công chức nhà nước	
2	Chi xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi bản đặc tả đề thi		
a)	Chủ tịch	Người/ngày	1.200
b)	Phó chủ tịch	Người/ngày	1.000
c)	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	800
d)	Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/ngày	400
3	Chi soạn thảo câu hỏi thô	Câu	56
4	Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu	48
5	Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu	40
6	Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Câu	28
7	Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Câu	8
8	Tiền công trong tổ chức thi thử nghiệm	Thực hiện như đối với thi chính thức	
9	Tiền công phân tích kết quả thi thử nghiệm theo từng đề thi	Báo cáo/môn thi	800
10	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm		
a)	Chủ tịch	Người/ngày	1.200
b)	Phó chủ tịch	Người/ngày	1.000
c)	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	800

Phụ lục II
NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI TỔ CHỨC CÁC CUỘC THI, HỘI THI
(Kèm theo Nghị quyết số 06 /2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

Đơn vị: ngàn đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
I	Chi cho công tác chuẩn bị		
1	Xây dựng kế hoạch tổng thể	Kế hoạch/ quy chế	800
2	Xây dựng đề thi và đáp án: (Đề và đáp án, không quá 04 đề và đáp án để lựa chọn).	Bộ đề	800
3	Xây dựng quy chế, quy định	Kế hoạch	800
4	Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá bài giảng, đồ dùng dạy học	Bảng tiêu chuẩn	800
5	Xây dựng phiếu đánh giá, xếp loại cho mỗi loại bài giảng	Phiếu	400
6	Xây dựng tiêu chí chung cho đánh giá, khung điểm cho từng tiêu chí	Hội thi	800
II	Chi tiền công Ban tổ chức		
1	Trưởng ban	Người/ngày	600
2	Phó trưởng ban	Người/ngày	500
3	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	400
4	Y tế, kỹ thuật viên, Nhân viên phục vụ, bảo vệ, lái xe	Người/ngày	200
III	Chi tiền công cho hội đồng ra đề, coi thi, chấm thi, khen thưởng		
1	Hội đồng ra đề		
a)	Tiền công hội đồng ra đề		
	Chủ tịch	Người/ngày	600
	Phó Chủ tịch	Người/ngày	500

	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	400
	Y tế, kỹ thuật viên, Nhân viên phục vụ, bảo vệ, lái xe	Người/ngày	200
b)	Ra đề đề xuất (có đáp án)	Đề	300
c)	Ra đề thi tự luận chính thức và đề thi dự bị (có đáp án)	Người/ngày	600
d)	Ra đề thi thực hành	Người/ngày	600
2	Hội đồng coi thi		
a)	Chủ tịch	Người/ngày	600
b)	Phó chủ tịch	Người/ngày	500
c)	Ủy viên, thư ký, giám thị	Người/ngày	400
d)	Y tế, kỹ thuật viên, Nhân viên phục vụ, bảo vệ, lái xe	Người/ngày	200
3	Hội đồng chấm thi		
a)	Chủ tịch	Người/ngày	600
b)	Phó Chủ tịch	Người/ngày	500
c)	Thư ký, ủy viên, giám khảo	Người/ngày	400
d)	Chấm giáo án	Giáo án/người chấm	30
e)	Chấm bài trình giảng tại Hội giảng (Thi thực hành)	bài/Người chấm	200
g)	Chấm hồ sơ thiết bị hội thi	Hồ sơ/người chấm	50
h)	Chấm thiết bị dự thi	Thiết bị/người chấm	100
i)	Chấm bài thi lý thuyết	Người/ngày	600